

Bản án số: **78 /2026/HSST**

Ngày: 30 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm: Bà Phan Thị Bích và ông Lữ Duy Minh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Huỳnh Đức Huy - Thư ký, Toà án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Nông Ngọc Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở chính, Toà án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 68/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

NGUYỄN LÊ T; *Tên gọi khác: L*; Sinh năm: 1978, tại: Tp .; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng; Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1958 và bà: Nguyễn Thị I, sinh năm: 1962; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 13/3/2017, Nguyễn Lê T bị TAND huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (cũ), nay là TAND khu vực 15 - Lâm Đồng, tuyên phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tại Bản án số 05/2017/HSST, ngày 13/3/2017); đến ngày 13/12/2017, T chấp hành xong hình phạt tù, chưa xóa án tích.

+ Ngày 08/5/2018, Nguyễn Lê T bị TAND huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (cũ), nay là TAND khu vực 15 - Lâm Đồng, tuyên phạt 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" (tại Bản án số 11/2018/HSST, ngày 08/5/2018); đến ngày 18/01/2020, T chấp hành xong hình phạt tù, chưa xóa án tích (do T chưa bồi thường dân sự).

Nhân thân: Ngày 24/7/2015, Nguyễn Lê T bị Công an xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng, về hành vi "Trộm cắp tài sản", tại Quyết định số 37104/QĐ-XPHC (T chưa nộp phạt)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày **11/5/2026** đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam L, Trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh L. (Bị cáo có mặt)

** Bị hại:*

1. Anh **Nguyễn Đăng K**; Sinh năm: 2006; Nơi cư trú: Thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Túy Đ**; Sinh năm: 1943; Nơi cư trú: Thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng; (Bà Đ đã mất vào ngày 12/02/2026, theo Trích lục khai tử số 18/2026/TLKT ngày 23/02/2026 của UBND xã S, tỉnh Lâm Đồng);

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị T1 Đẹp:* Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1972 (Là con ruột của bà Đ). Nơi cư trú: Thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh **Phùng Tấn S**, sinh năm: 2007; Nơi cư trú: Thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Nguyễn Lê T nảy sinh ý định đi xung quanh xóm, tìm nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Trong tháng 11 năm 2023, bị cáo T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tại thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ 00 phút ngày 26/11/2023, Nguyễn Lê T đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị Túy Đ, thuộc thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng, biết bà Đ đã già, lại ở một mình nên T nảy sinh ý định đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản, T đi đến cửa chính vặn tay nắm cửa thì thấy cửa không khoá, thấy vậy T mở cửa đi vào trong nhà đi đến phòng ngủ lục tìm tài sản, T sờ vào áo khoác treo trên tường ngay cửa phòng ngủ thấy cộm, móc ra xem là tiền, T lấy bỏ túi. Cùng lúc, bà Đ nghe tiếng động hỏi “*phải K1 không, giờ làm gì vậy*”, biết K1 là cháu ngoại bà Đ, T đã trả lời “*Dạ phải, con đi tìm nhà vệ sinh đi tiểu*”, rồi T đi ra khỏi nhà. Sau đó, T kiểm tra số tiền vừa lấy trộm là 1.000.000 đồng (gồm: 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng), số tiền này T dùng ăn uống và chơi game hết.

Mặc dù số tiền trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng Nguyễn Lê T đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xoá án tích nên Nguyễn Lê T bị truy cứu trách nhiệm hình sự về lần phạm tội này.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 28/11/2023, Nguyễn Lê T đi bộ trên đường số A, thuộc thôn H, xã S. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 2006 (nơi thường trú: thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng), T quan sát cửa cổng và cửa nhà đều mở, T đi vào bên trong sân thấy xe máy Honda Cub biển số 86HA - 1981, chìa khoá cắm trên xe, T tiếp tục vào trong nhà thấy có 02 người đang ngủ trong phòng, dưới sàn nhà có điện thoại Iphone XS đang cắm sạc, T liền lấy điện thoại, rồi ra sân dắt xe máy biển số 86HA - 1981 ra khỏi nhà một đoạn, bật khoá nổ máy điều khiển xe chạy ra hướng đường Q rẽ về hướng phường L. Khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, T mang điện thoại Iphone XS vừa lấy trộm đến cửa hàng Đ1 tại phường P, tỉnh Lâm Đồng, do Phan Ngọc T2, sinh năm 1986, nơi thường trú: khu phố C,

phường P, tỉnh Lâm Đồng, làm chủ bán với giá tiền 1.500.000 đồng, rồi T tiếp tục điều khiển xe 86HA - 1981 về xã H, TP . đến cửa hàng P (không nhớ tên), bán xe cho bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987 (nơi thường trú: xã H, thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 500.000 đồng, rồi bắt xe ôm về lại nhà tại thôn H, xã S, dùng tiền bán tài sản tiêu xài cá nhân hết.

Sáng ngày 28/11/2023, anh K ngủ dậy phát hiện mất tài sản nên gọi điện thoại cho anh Phùng Tấn S, sinh năm 2007, nơi thường trú: thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng, xem camera thì phát hiện 01 thanh niên không đội mũ bảo hiểm điều khiển xe máy biển số 86HA - 1981 chạy trên đường bê tông, anh S nhận ra là Nguyễn Lê T nên đã tìm gặp T để hỏi sự việc thì T thừa nhận hành vi trộm cắp và dẫn anh S đến cửa hàng P để chuộc lại xe máy biển số 86HA - 1981, anh K cũng trình báo Công an xã T (nay là Công an xã S) thu giữ 01 điện thoại Iphone XS từ anh Phan Ngọc T2.

Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã S, kết luận: tại thời điểm tháng 11/2023: **01** xe máy biển số 86HA - 1981, nhãn hiệu Honda, màu xanh (đã qua sử dụng) có giá trị 1.833.333 đồng; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu đen (đã qua sử dụng) có giá trị 2.333.333 đồng.

Vật chứng vụ án:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Đăng K.

+ 01 xe máy biển số 86HA - 1981, nhãn hiệu Honda, màu xanh. Qua xác minh thuộc sở hữu hợp pháp của anh Phùng Tấn S, sinh năm 2007; Nơi thường trú: thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 27/11/2023, anh S cho anh Nguyễn Đăng K mượn thì bị mất trộm. Quá trình điều tra, đã thu hồi và trả lại xe máy cho anh Phùng Tấn S.

Về phần dân sự: Anh Nguyễn Đăng K đã nhận lại tài sản, bị cáo Nguyễn Lê T đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Túy Đ và tiền chuộc xe cho anh Phùng Tấn S. Hiện anh Nguyễn Đăng K, anh Phùng Tấn S và chị Nguyễn Thị Kim N (người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Túy Đ - đã chết) không yêu cầu gì thêm về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT-VKSLDG-KV ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Lê T, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Lê T và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê T, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

- Phạt bị cáo Nguyễn Lê T, mức án từ 03 năm đến 04 năm tù

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị.

* Về biện pháp tư pháp: Không.

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Lê T khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận cáo trạng của VKSND khu vực A - Lâm Đồng truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

- Bị cáo Nguyễn Lê T không có ý kiến, không tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND khu vực A - Lâm Đồng.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Lê T: Bị cáo thấy được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Lâm Đồng, Kiểm sát viên; trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại tòa, bị cáo Nguyễn Lê T thừa nhận nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội; lời khai nhận của bị cáo là khách quan, phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” do bị cáo Nguyễn Lê T cố ý thực hiện, với mong muốn có tiền tiêu xài, nên trong khoảng thời gian từ ngày 26/11/2023 đến ngày 28/11/2023, bị cáo Nguyễn Lê T đã thực hiện 02 vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ 00 phút ngày 26/11/2023, tại nhà bà Nguyễn Thị Túy Đ, thuộc thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng, bị cáo Nguyễn Lê T lén lút đột nhập vào nhà lục tìm và lấy trộm của bà Đ số tiền 1.000.000 đồng (gồm: 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng) rồi đi ra khỏi nhà, số tiền này T dùng ăn uống và chơi game hết. Mặc dù số tiền trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo Nguyễn Lê T đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nên bị cáo Nguyễn Lê T bị truy cứu trách nhiệm hình sự về lần phạm tội này.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 28/11/2023, tại nhà anh Nguyễn Đăng K, thuộc thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo Nguyễn Lê T có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe máy biển số 86HA - 1981, nhãn hiệu Honda, màu xanh (đã

qua sử dụng) có giá trị 1.833.333 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu đen (đã qua sử dụng) có giá trị 2.333.333 đồng. Sau đó, T mang điện thoại Iphone XS vừa lấy trộm đến cửa hàng Đ1 tại phường P, tỉnh Lâm Đồng (do anh Phan Ngọc T2 làm chủ) bán với giá tiền 1.500.000 đồng, rồi tiếp tục điều khiển xe máy biển số 86HA - 1981 về xã H, thành phố Hồ Chí Minh đến cửa hàng P (không nhớ tên) bán xe máy cho bà Nguyễn Thị N1, với số tiền 500.000 đồng, sau đó T bắt xe ôm về lại nhà tại thôn H, xã S, tỉnh Lâm Đồng dùng tiền bán tài sản tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Lê T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Xét, tại Bản án số: 11/2018/HS-ST ngày 08/5/2018 của Toà án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (cũ), nay là Toà án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng, đã xác định bị cáo Nguyễn Lê T phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm", sau khi chấp hành xong án phạt tù, mặc dù chưa được xóa án tích theo luật định, thể nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, sống lương thiện, mà tiếp tục phạm tội mới do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo Nguyễn Lê T bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt "Tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025). Do đó, cáo trạng số: 38/CT-VKSLDG-KV ngày 08/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Lê T về tội danh, điều luật áp dụng nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Lê T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, để biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng với bản tính tham lam, tư lợi, bị cáo đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để nhiều lần thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản như đã nêu trên. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Lê T là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, tạo tâm lý mất an toàn trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét, bị cáo Nguyễn Lê T với 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và phạm tội đối với bị hại là bà Nguyễn Thị Túy Đ, sinh năm 1943 (80 tuổi) nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên". Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt các bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Đăng K đã nhận lại tài sản, bị cáo Nguyễn Lê T đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Túy Đ, bồi thường tiền chuộc lại xe máy cho anh Phùng Tấn S. Tại toà, anh Nguyễn Đăng K, anh Phùng Tấn S; chị Nguyễn Thị Kim N (người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Túy Đ) đều vắng mặt; căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt của anh K và chị N đều không yêu cầu bị cáo Nguyễn Lê T bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Lê T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[9] Về vấn đề khác: Đối với anh Phan Ngọc T2 và chị Nguyễn Thị N1, quá trình mua bán không biết tài sản là do bị cáo Nguyễn Lê T trộm cắp mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không xem xét xử lý là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

[1] **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Lê T, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[2] **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Lê T **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **11/5/2026**.

[3] **Về án phí:**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Lê T phải chịu **200.000** (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] **Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ: Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Lê T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 15 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 15 - Lâm Đồng;
- Phân trại tạm giam khu vực La Gi, Trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh Lâm Đồng
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS; THAHS; Lưu Tòa án;
- UBND địa phương nơi BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình

